

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 794/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Công văn số 11753/BTC-HCSN ngày 02/10/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch vốn sự nghiệp kinh tế để lập Quy hoạch;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 52/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Phú Yên đến năm 2025; số 2726/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc phê duyệt Đề án Chương trình phát triển đô thị tỉnh Phú Yên đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030; số 328/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 về việc ban hành Kế hoạch phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020; số 616/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 về việc thống nhất chủ trương lập Chương trình tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025; số 1094/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 về việc phê duyệt Đề cương và dự toán chi phí lập Chương trình tổ chức

lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 1235/UBND-ĐT XD ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh về việc Chương trình phát triển đô thị tỉnh Phú Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chương trình tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 38/TTr-SXD ngày 19/3/2020) về việc đề nghị phê duyệt Chương trình tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Chương trình này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đại Dương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

**TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH XÂY DỰNG, QUY HOẠCH ĐÔ THỊ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN, GIAI ĐOẠN 2019-2020 VÀ 2021-2025**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của UBND tỉnh)

I. SỰ CẦN THIẾT

Những năm gần đây, cùng với việc phát triển kinh tế - xã hội, quá trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh diễn ra khá nhanh, tỷ lệ đô thị hóa dự kiến đến năm 2020 đạt 38,5%. Để quản lý, kiểm soát tốt việc phát triển đô thị theo định hướng chung của tỉnh, thời gian qua, các cấp, các ngành đã quan tâm, tổ chức triển khai lập các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt như: Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh; 2 Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện (Phú Hòa và Tây Hòa); Đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Tuy Hòa; Đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị xã Sông Cầu; Đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị xã Đông Hòa (dự kiến); 7 Đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị cho 7 thị trấn, huyện lỵ; 2 Đồ án Quy hoạch chung xây dựng cho đô thị chuyên ngành (thị trấn Hòa Hiệp Trung, đô thị Ô Loan) và 4 Đồ án Quy hoạch chung đô thị mới (đô thị Vân Hòa, đô thị Tân Lập, đô thị An Mỹ, đô thị Xuân Phước) và nhiều đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng để cụ thể hóa các đồ án quy hoạch chung. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 2 Đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, gồm: Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên và Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh. Các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được duyệt đã góp phần nâng cao tỷ lệ phủ kín quy hoạch, nâng cao chất lượng công tác quản lý quy hoạch, xây dựng, thu hút các dự án đầu tư xây dựng về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong số các đồ án quy hoạch chung được duyệt, có Đồ án Quy hoạch chung được lập cách đây hơn 10 năm, hiện nay một số địa phương đang tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch để cập nhật cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội như: Đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Tuy Hòa; Đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh; Đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Chí Thạnh, huyện Tuy An; Đồ án Quy hoạch chung thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa. Trên cơ sở ranh giới, diện tích các khu vực đã được lập quy hoạch chung đô thị, các địa phương đã tổ chức lập đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch

chi tiết để cụ thể hóa quy hoạch chung, làm căn cứ quản lý quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, thu hút các dự án đầu tư, nhất là những khu vực thuộc trung tâm đô thị. Trong đó, phần lớn các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết chủ yếu tập trung tại thành phố Tuy Hòa và thị xã Sông Cầu để đáp ứng nhu cầu xây dựng phát triển đô thị tại 2 đô thị này. Đến nay, 100% đô thị đã được lập quy hoạch chung, tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2.000) đạt khoảng 42% so với quy hoạch chung, tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) đạt khoảng 23%.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị ở địa phương vẫn còn một số hạn chế như: Chưa hệ thống hóa các đồ án quy hoạch cần phải được tổ chức lập theo từng giai đoạn cụ thể để làm cơ sở triển khai thực hiện đồng bộ ở các địa phương; chưa có lộ trình cụ thể trong việc tổ chức lập quy hoạch; các địa phương còn thiếu chủ động về thời gian, kinh phí lập quy hoạch; chưa xác định rõ nguồn vốn lập quy hoạch (vốn ngân sách tỉnh, vốn ngân sách huyện hay vốn tài trợ theo hình thức xã hội hóa) nên một số địa phương thiếu chủ động trong việc bố trí kinh phí hoặc kêu gọi các nhà đầu tư tài trợ chi phí lập quy hoạch để giảm tải áp lực cho ngân sách nhà nước trong công tác lập quy hoạch. Các hạn chế nêu trên đã ảnh hưởng đến công tác lập, quản lý quy hoạch, xây dựng phát triển đô thị và kế hoạch nâng loại đô thị của các đô thị trên địa bàn tỉnh. Thời gian tới, để có cơ sở cho các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động hơn về thời gian, kinh phí, nguồn vốn, xác định rõ cơ quan có trách nhiệm lập quy hoạch trong việc triển khai tổ chức lập các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh đảm bảo đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, làm căn cứ thực hiện chương trình phát triển đô thị, kế hoạch nâng loại đô thị, từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh theo định hướng của Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh đã được phê duyệt, góp phần nâng cao tỷ lệ phủ kín quy hoạch, việc lập, ban hành Chương trình tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025 là thực sự cần thiết.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Cụ thể hóa Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Phú Yên đến năm 2025; Đề án Chương trình phát triển đô thị tỉnh Phú Yên đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030 và Kế hoạch phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020. Đảm bảo phủ kín quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch chung đô thị đáp ứng yêu cầu định hướng đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới. Nâng cao tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu so với quy hoạch chung, tạo cơ sở pháp lý cho việc giải quyết các thủ tục về đất đai, đầu tư xây dựng, tạo lập cơ sở hạ tầng để phát triển kinh tế - xã hội.

- Giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động hơn về thời gian, kinh phí, nguồn vốn, xác định rõ cơ quan có trách nhiệm trong việc tổ chức lập các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, góp phần nâng cao tỷ lệ phủ kín quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Xác định lộ trình, thời gian, kinh phí, nguồn vốn, các nhiệm vụ chủ yếu, nội dung công việc và phân công cụ thể trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, để làm cơ sở tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả trong công tác lập quy hoạch.

2. Yêu cầu

- Nội dung Chương trình cần bám sát các mục tiêu đề ra; việc triển khai thực hiện Chương trình phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và mang tính khả thi.

- Việc triển khai thực hiện Chương trình cần có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo theo lộ trình, thời gian, phù hợp với quy định và tình hình thực tế tại mỗi địa phương.

- Công tác tổ chức lập các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị cần được tiến hành theo trình tự, thủ tục quy định, đảm bảo chất lượng, thời gian theo yêu cầu.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương cần phối hợp chặt chẽ trong quá trình lập các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, tạo sự kết nối giữa các khu vực, vùng.

- Chương trình phải phù hợp với các mục tiêu, định hướng được xác định trong Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (do tỉnh đang tổ chức lập). Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có nội dung chưa phù hợp, phải kịp thời rà soát, cập nhật, điều chỉnh để đảm bảo sự thống nhất với Quy hoạch tỉnh Phú Yên và các quy hoạch cấp trên theo quy định pháp luật về quy hoạch.

III. CĂN CỨ LẬP CHƯƠNG TRÌNH

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;
- Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

- Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Căn cứ Công văn số 11753/BTC-HCSN ngày 02/10/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch vốn sự nghiệp kinh tế để lập Quy hoạch;

- Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 52/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Phú Yên đến năm 2025; số 2726/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc phê duyệt Đề án Chương trình phát triển đô thị tỉnh Phú Yên đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030; số 328/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 về việc ban hành Kế hoạch phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020; số 616/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 về việc thống nhất chủ trương lập Chương trình tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025; số 1094/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 về việc phê duyệt Đề cương và dự toán chi phí lập Chương trình tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025;

- Căn cứ Công văn số 1235/UBND-ĐTĐXD ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh về việc Chương trình phát triển đô thị tỉnh Phú Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chương trình tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025;

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi nghiên cứu: Việc tổ chức lập các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được thực hiện ở 09 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Khu kinh tế Nam Phú Yên; Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh và các khu chức năng khác trên địa bàn tỉnh.

2. Loại đồ án quy hoạch: Quy hoạch vùng liên huyện; quy hoạch vùng huyện; quy hoạch chung đô thị; quy hoạch chung khu chức năng; quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/5.000; 1/2.000) các khu vực trong đô thị và các khu chức năng, gồm các giai đoạn sau:

a) Giai đoạn 2019-2020: Tổng số có 33 đồ án quy hoạch, gồm: 02 đồ án quy hoạch vùng liên huyện; 03 đồ án quy hoạch vùng huyện; 08 đồ án quy hoạch chung đô thị; 02 đồ án quy hoạch chung khu chức năng; 18 đồ án quy hoạch phân khu đô thị. Trong đó:

- Cấp tỉnh tổ chức lập 09 đề án quy hoạch.
- Cấp huyện tổ chức lập 24 đề án quy hoạch.
- Tổng kinh phí: Khoảng 78.518 triệu đồng:
 - + Nguồn vốn ngân sách tỉnh: Khoảng 18.207 triệu đồng;
 - + Nguồn vốn ngân sách huyện: Khoảng 49.011 triệu đồng;
 - + Nguồn vốn vận động tài trợ theo hình thức xã hội hóa: Khoảng 11.300 triệu đồng.

b) Giai đoạn 2021-2025: Tổng số có 34 đề án quy hoạch, cụ thể:

- Năm 2021 (có 15 đề án quy hoạch): 02 đề án quy hoạch chung đô thị; 02 đề án quy hoạch chung khu chức năng; 07 đề án quy hoạch phân khu đô thị; 04 đề án quy hoạch phân khu khu chức năng. Trong đó:

- + Cấp tỉnh tổ chức lập 08 đề án quy hoạch;
- + Cấp huyện tổ chức lập 07 đề án quy hoạch.
- + Tổng kinh phí: Khoảng 27.235 triệu đồng:
 - ++ Nguồn vốn ngân sách tỉnh: Khoảng 10.041 triệu đồng;
 - ++ Nguồn vốn ngân sách huyện: Khoảng 11.994 triệu đồng;
 - ++ Nguồn vốn vận động tài trợ theo hình thức xã hội hóa: Khoảng 5.200 triệu đồng.

- Năm 2022 (có 07 đề án quy hoạch): 01 đề án quy hoạch chung đô thị; 04 đề án quy hoạch phân khu đô thị; 02 đề án quy hoạch phân khu khu chức năng. Trong đó:

- + Cấp tỉnh tổ chức lập 03 đề án quy hoạch;
- + Cấp huyện tổ chức lập 04 đề án quy hoạch.
- + Tổng kinh phí: Khoảng 17.600 triệu đồng:
 - ++ Nguồn vốn ngân sách tỉnh: Khoảng 6.200 triệu đồng;
 - ++ Nguồn vốn ngân sách huyện: Khoảng 11.400 triệu đồng.

- Năm 2023 (có 06 đề án quy hoạch): 01 đề án quy hoạch chung đô thị; 03 đề án quy hoạch phân khu đô thị; 02 đề án quy hoạch phân khu khu chức năng. Trong đó:

- + Cấp tỉnh tổ chức lập 03 đề án quy hoạch;
- + Cấp huyện tổ chức lập 03 đề án quy hoạch.
- + Tổng kinh phí: Khoảng 10.600 triệu đồng:
 - ++ Nguồn vốn ngân sách tỉnh: Khoảng 2.500 triệu đồng;
 - ++ Nguồn vốn ngân sách huyện: Khoảng 4.700 triệu đồng;

++ Nguồn vốn vận động tài trợ theo hình thức xã hội hóa: Khoảng 3.400 triệu đồng.

- Năm 2024: (có 03 đồ án quy hoạch): 02 đồ án quy hoạch phân khu đô thị; 01 đồ án quy hoạch phân khu chức năng. Trong đó:

+ Cấp huyện tổ chức lập 03 đồ án quy hoạch.

+ Tổng kinh phí: Khoảng 3.900 triệu đồng:

++ Nguồn vốn ngân sách huyện: Khoảng 3.000 triệu đồng.

++ Nguồn vốn vận động tài trợ theo hình thức xã hội hóa: Khoảng 900 triệu đồng.

- Năm 2025: 03 đồ án quy hoạch phân khu chức năng. Trong đó:

+ Cấp huyện tổ chức lập 03 đồ án quy hoạch.

+ Nguồn vốn vận động tài trợ theo hình thức xã hội hóa: Khoảng 2.240 triệu đồng.

Trách nhiệm tổ chức lập đồ án quy hoạch và các nội dung khác: Chi tiết như Phụ lục 1.

c) Các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị do các Nhà đầu tư tài trợ kinh phí lập quy hoạch:

- Năm 2020: (có 13 đồ án quy hoạch): 01 đồ án quy hoạch chung; 12 đồ án quy hoạch phân khu. Trong đó:

+ Cấp tỉnh tổ chức lập 09 đồ án quy hoạch;

+ Cấp huyện tổ chức lập 04 đồ án quy hoạch.

+ Tổng kinh phí tài trợ lập quy hoạch: Khoảng 21.589 triệu đồng.

Trách nhiệm tổ chức lập đồ án quy hoạch và các nội dung khác: Chi tiết như Phụ lục 2.

3. Thời gian triển khai: Giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025.

4. Về nguồn vốn:

a) Nguồn vốn ngân sách:

- Đối với các đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch chung đô thị mới, quy hoạch chung khu chức năng, UBND tỉnh xem xét, cân đối nguồn vốn, bố trí kinh phí cho công tác lập quy hoạch bằng nguồn vốn ngân sách của tỉnh.

- Đối với các đồ án quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu chức năng, UBND cấp huyện xem xét, cân đối nguồn vốn, bố trí kinh phí cho công tác lập quy hoạch bằng nguồn vốn ngân sách của huyện; trong đó, các địa phương thật sự khó khăn về ngân sách có thể xem xét, đề nghị tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí đối với các đồ án quy hoạch có tính chất quan trọng.

b) Nguồn vốn khác: UBND tỉnh khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ kinh phí theo hình thức xã hội hóa để lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng: Có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đối với các đồ án quy hoạch được giao tổ chức lập quy hoạch; kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình để kịp thời tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện Chương trình đảm bảo theo đúng lộ trình đề ra. Quá trình thực hiện nếu có phát sinh các đồ án quy hoạch cần được lập để đáp ứng các yêu cầu phát triển thì báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung làm căn cứ thực hiện.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng trong công tác lập quy hoạch sử dụng đất ở các địa phương trên địa bàn tỉnh để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. Cung cấp bản đồ nền địa hình phục vụ công tác lập quy hoạch.

3. Sở Tài chính: Căn cứ khả năng ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để các địa phương, đơn vị thực hiện theo quy định.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Căn cứ vào nội dung Chương trình có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đối với các đồ án quy hoạch được giao tổ chức lập quy hoạch; đảm bảo chất lượng, đúng trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định. Chỉ đạo đơn vị chuyên môn cân đối, bố trí nguồn vốn cho công tác lập quy hoạch.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh: Căn cứ vào nội dung Chương trình có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo quy hoạch được lập có chất lượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

6. Văn phòng UBND tỉnh: Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện Chương trình này. Định kỳ vào ngày 25/6 và ngày 25/12 hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện Chương trình. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phải kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, chỉ đạo./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đại Dương

PHỤ LỤC 1**Chương trình tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị
trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025***(Ban hành kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của UBND tỉnh)***A. GIAI ĐOẠN 2019-2020**

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
TỪ NĂM 2019 ĐẾN NĂM 2020							
I. Quy hoạch vùng liên huyện và vùng huyện							
1	Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện ven biển tỉnh Phú Yên đến năm 2030.	Khu vực ven biển thuộc các huyện: Tuy An, Đông Hòa; thị xã Sông Cầu và thành phố Tuy Hòa.	Là vùng kinh tế động lực của tỉnh, có ý nghĩa chiến lược về kinh tế, quốc phòng và an ninh.	Khoảng 20.000	Khoảng 300	Khoảng 3.500; vốn ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác	Sở Xây dựng
2	Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện tiểu vùng cao nguyên phía Tây tỉnh Phú Yên (vùng cao nguyên Vân Hòa).	Khu vực thuộc các xã: Sơn Long, Sơn Định, Sơn Xuân (huyện Sơn Hòa) và An Thọ, An Lĩnh, An Xuân (huyện Tuy An).	Định hướng các khu vực phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, các khu ở mang tính đặc trưng của vùng cao nguyên,...	Khoảng 10.000	Khoảng 150	Khoảng 3.500; vốn ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác	Sở Xây dựng
3	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sông Hinh.	Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Sông Hinh.	Có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh; nơi giao thương về nguyên liệu, sản phẩm nông lâm sản; giữ gìn, phát huy văn hóa các dân tộc.	Khoảng 89.000	Khoảng 59	Khoảng 2.400; ngân sách huyện	UBND huyện Sông Hinh
4	Quy hoạch	Toàn bộ	Là cửa ngõ phía	Khoảng	Khoảng	Khoảng	UBND

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
	xây dựng vùng huyện Sơn Hòa.	ranh giới hành chính huyện Sơn Hòa.	Tây của tỉnh; không gian phát triển sản xuất nông nghiệp; phát triển du lịch sinh thái.	95.000	58	2.400; ngân sách huyện	huyện Sơn Hòa
5	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đồng Xuân.	Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Đồng Xuân.	Không gian phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp; phát triển kinh tế trang trại; công nghiệp chế biến nông lâm sản.	Khoảng 100.000	Khoảng 65	Khoảng 2.500; ngân sách huyện	UBND huyện Đồng Xuân

II. Quy hoạch chung đô thị

1. Thành phố Tuy Hòa

1.1	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Tuy Hòa và khu vực phụ cận, tỉnh Phú Yên đến năm 2040.	Toàn bộ ranh hành chính thành phố Tuy Hòa và khu vực phụ cận.	<ul style="list-style-type: none"> - Là đô thị tỉnh lỵ, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, thương mại - dịch vụ, khoa học - kỹ thuật của tỉnh. - Là đô thị hạt nhân, trung tâm động lực tổng hợp toàn tỉnh. - Là đô thị hướng biển, một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia, trung tâm du lịch, GD-ĐT vùng Nam Trung Bộ, duyên 	Khoảng 17.000	Khoảng 160	Khoảng 5.993; ngân sách tỉnh	Sở Xây dựng
-----	--	---	---	---------------	------------	------------------------------	-------------

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
			<p>hải miền Trung và Tây Nguyên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là đầu mối giao thông quan trọng của vùng Nam Trung Bộ là một trong các cửa ngõ mới về phía Đông cho vùng Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan. - Là một trong những địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên. 				
2. Thị xã Sông Cầu							
2.1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Sông Cầu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.	Toàn bộ ranh giới hành chính thị xã Sông Cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác và phát huy các tiềm năng, lợi thế nhằm xây dựng các định hướng phát triển đô thị và hướng đầu tư theo từng giai đoạn đáp ứng nhu cầu phát triển mới, hội nhập với sự phát triển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ 	Khoảng 49.279,3		Khoảng 3.500; ngân sách thị xã	UBND thị xã Sông Cầu

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
			<p>và vùng tỉnh Phú Yên, tạo đà thúc đẩy quá trình đô thị hóa và tăng trưởng kinh tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và phát triển thị xã Sông Cầu đồng bộ về mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; tổ chức không gian và tạo lập hình ảnh đô thị mang bản sắc khu vực, đảm bảo phát triển bền vững, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân. - Xây dựng các tiêu chí hướng tới sự phát triển đô thị trong tương lai, với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt cấp đô thị loại II, từng bước thực hiện nâng cấp đô thị theo lộ trình. 				
2.2	Quy hoạch chung xây dựng đô thị Xuân Lộc.	Toàn bộ ranh giới hành chính xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Phú Yên, đóng vai trò kết nối giao thương với tỉnh Bình Định. - Là khu trung 	Khoảng 8.510	Khoảng 15,84	Khoảng 1.638; ngân sách tỉnh	Sở Xây dựng (Đã được UBND tỉnh phê duyệt

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
			tâm hỗ trợ phát triển khu vực Nam tỉnh Bình Định, Bắc thị xã Sông Cầu, xây dựng các khu du lịch sinh thái, tạo động lực phát triển thương mại - dịch vụ, sản xuất công nghiệp.				Nhiệm vụ).
3. Huyện Sơn Hòa							
3.1	Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Củng Sơn đến năm 2030.	Toàn bộ ranh giới hành chính thị trấn Củng Sơn và một phần ranh giới xã Suối Bạc và xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa.	<ul style="list-style-type: none"> - Là đô thị loại IV, trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật, dịch vụ công cộng huyện Sơn Hòa. - Là đầu mối giao thông, giao lưu kinh tế với các huyện miền núi tỉnh Phú Yên, là đầu mối giao thương của tỉnh Phú Yên với các tỉnh Tây Nguyên qua Quốc lộ 25. - Có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh của huyện cũng như của tỉnh tại khu vực miền núi phía Tây. 	Khoảng 2.976	Khoảng 25	Khoảng 1.930; ngân sách huyện	UBND huyện Sơn Hòa (Đã được UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ; UBND huyện Sơn Hòa đang tổ chức lập Đồ án quy hoạch).

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
4. Huyện Tuy An							
4.1	Quy hoạch chung đô thị Chí Thạnh và vùng phụ cận đến năm 2035.	Toàn huyện.	Đô thị loại IV.		Khoảng 60-100	Khoảng 3.900; ngân sách huyện	UBND huyện Tuy An (Đã được UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ).
5. Huyện Sông Hinh							
5.1	Quy hoạch chung thị trấn Hai Riêng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Toàn bộ ranh giới hành chính thị trấn Hai Riêng.	Trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa - xã hội.	Khoảng 698	Khoảng 25	Khoảng 1.721; ngân sách huyện	UBND huyện Sông Hinh (Đã được UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ; đang tổ chức lập Đồ án Quy hoạch chung).
6. Huyện Phú Hòa							
6.1	Quy hoạch chung xây dựng đô thị Phong Niên, xã Hòa Thắng (kết	Thuộc thôn Phong Niên, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa.	Là đô thị vệ tinh cho đô thị huyện lỵ thị trấn Phú Hòa, tạo động lực phát triển thương mại, dịch vụ, kết nối giao	Khoảng 268,5	Khoảng 24,18	Khoảng 2.500; ngân sách huyện	UBND huyện Phú Hòa

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
	hợp Quy hoạch phân khu Khu Trung tâm).		thương các huyện Tây Hòa, Sơn Hòa, Sông Hinh; tạo không gian đô thị dọc Quốc lộ 25, góp phần phát triển KT-XH của huyện.				
6.2	Quy hoạch chung đô thị Hòa Trị (kết hợp Quy hoạch phân khu Khu Trung tâm).	Toàn xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa.	Là đô thị vệ tinh cho đô thị huyện lỵ thị trấn Phú Hòa, tạo động lực phát triển thương mại, dịch vụ; kết nối hạ tầng các khu quy hoạch Bắc KDL Thuận Thảo, đường Trần Phú nối dài, góp phần phát triển KT-XH của huyện.	Khoảng 1.596	Khoảng 20	Khoảng 2.500; ngân sách huyện	UBND huyện Phú Hòa

III. Quy hoạch chung khu chức năng (khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao)

1. Khu kinh tế Nam Phú Yên

1.1	Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu Kinh tế Nam Phú Yên đến năm 2040.	- Đông giáp: Biên Đông. - Tây giáp: Hành lang cao tốc Bắc - Nam. - Nam giáp: Huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. - Bắc giáp:	- Là khu kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm phát triển là: Công nghiệp công nghệ cao, các ngành công nghiệp gắn với cảng biển; du lịch sinh thái; đô thị dịch vụ TM-DL sông, biển gắn với việc	Khoảng 20.730	Dự báo sơ bộ đến năm 2030 khoảng 170-180	Khoảng 6.500; ngân sách tỉnh	UBND tỉnh (Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Nhiệm vụ Đồ án Điều chỉnh Quy
-----	--	---	--	---------------	--	------------------------------	---

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
		Sông Đà Rằng.	<p>khai thác sân bay Tuy Hòa và hệ thống cảng biển; phát triển kinh tế biển truyền thống gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với đảm bảo QP-AN và thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>- Là một trong các đầu mối về GTVT, giao thương và giao lưu quốc tế quan trọng của khu vực miền Trung và Tây Nguyên; cửa ngõ kết nối ra biển Đông của Tây Nguyên và các nước ASEAN.</p> <p>- Là Khu kinh tế tổng hợp có hạ tầng hiện đại làm động lực phát triển cho vùng Duyên hải Nam trung bộ. Có liên kết hỗ trợ và chia sẻ với Khu kinh tế Vân Phong và các vùng phụ cận.</p>				<i>hoạch</i>). Ban Quản lý Khu kinh tế là đầu mối lập.
2. Huyện Tuy An							
2.1	Quy hoạch chung khu vực Hòn	Xã An Hòa Hải, huyện Tuy An.		Khoảng 900		Khoảng 2.100; vốn ngân	Sở Xây dựng

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
	Yến.					sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác	
IV. Quy hoạch phân khu (các khu vực trong đô thị)							
1. Thành phố Tuy Hòa							
1.1	Quy hoạch phân khu Khu vực xung quanh núi Chóp Chài.	Khu vực xung quanh núi Chóp Chài.		Khoảng 580		Khoảng 2.200; vốn ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác	Sở Xây dựng
1.2	Điều chỉnh quy hoạch phân khu dọc hai bên tuyến Quốc lộ 25 (đoạn từ cầu Trần Hưng Đạo đến tuyến tránh Quốc lộ 1).	<ul style="list-style-type: none"> - Đông giáp: Đường Nguyễn Tất Thành. - Tây giáp: Tuyến tránh Quốc lộ 1. - Nam giáp: Ranh giới Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu đô thị phía Bắc Sông Ba (đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ). - Bắc giáp: Ruộng lúa và ranh giới Đồ án 	<ul style="list-style-type: none"> - Tính chất của trục Quốc lộ 25 được định hướng là trục thương mại - dịch vụ - tổng hợp. - Là cửa ngõ phía Tây của thành phố Tuy Hòa, kết nối liên tỉnh (tỉnh Đắk Lắk), liên huyện (huyện Sơn Hòa, huyện Sông Hinh). 	Khoảng 279		Khoảng 1.715; ngân sách tỉnh	Sở Xây dựng

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
		Quy hoạch phân khu xây dựng Khu đô thị phía Bắc Khu du lịch Thuận Thảo đến phía Bắc đường Trần Phú nối dài, thành phố Tuy Hòa.					
2. Thị xã Sông Cầu							
2.1	Quy hoạch phân khu Khu phố Dân Phước - Vạn Phước, phường Xuân Thành.	- Đông giáp: Khu dân cư Tam Giang và vịnh Xuân Đài. - Tây giáp: Khu dân cư và núi. - Nam giáp: Núi. - Bắc giáp: Đường QH 6-18.	Điều chỉnh lại các khu đô thị, nhà ở đã triển khai để đảm bảo tính đồng nhất về cấu trúc không gian với khu vực xung quanh. Dọc các trục chính đô thị khuyến khích các tòa nhà cao tầng, có khoảng lùi an toàn hướng mở ra không gian cây xanh mặt nước.	Khoảng 90		Khoảng 1.800; ngân sách thị xã	UBND thị xã Sông Cầu (Đã có chủ trương của UBND thị xã Sông Cầu).

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
2.2	Quy hoạch phân khu bờ Nam sông Tam Giang, phường Xuân Phú.	<ul style="list-style-type: none"> - Đông giáp: Đường Phạm Văn Đồng. - Tây giáp: Tuyến tránh Quốc lộ 1. - Nam giáp: Tuyến tránh Quốc lộ 1. - Bắc giáp: Đường Nguyễn Văn Linh. 	Xây dựng quần thể kiến trúc hiện đại đồng bộ tại các KĐT mới với nhiều không gian mở gắn kết với khu vực cây xanh mặt nước. Các công trình dịch vụ với hình dáng hiện đại nhằm tạo ra các không gian sống động và có kết nối đường đi bộ tới các khu trung tâm TMDV và các khu ở xung quanh.	Khoảng 31		Khoảng 760; ngân sách thị xã	UBND thị xã Sông Cầu (Đã có chủ trương của UBND thị xã Sông Cầu).
2.3	Quy hoạch phân khu xã Xuân Cảnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Đông giáp: Đầm Cù Mông. - Tây giáp: Núi. - Nam giáp: Xã Xuân Thịnh. - Bắc giáp: Cầu Bình Phú. 	Phát triển các KDC tương đương các đơn vị ở sinh thái, xây dựng đầy đủ về hạ tầng xã hội và đồng bộ về hạ tầng xã hội để đáp ứng nhu cầu nhà ở của lao động khu công nghiệp đồng bộ gắn kết hài hòa với các điểm dân cư nông thôn hiện hữu tại khu vực. Phát triển KDC nhà vườn thấp tầng truyền thống kết hợp với khu nuôi trồng thủy sản	Khoảng 312		Khoảng 3.000; ngân sách thị xã	UBND thị xã Sông Cầu (Đã có chủ trương của UBND thị xã Sông Cầu).

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
			ven đầm Cù Mông và ven biển.				
2.4	Quy hoạch phân khu xã Xuân Thịnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Đông giáp: Khu du lịch cao cấp Bãi Từ Nham. - Tây giáp: Quốc lộ 1. - Nam giáp: Núi. - Bắc giáp: Đầm Cù Mông. 	Khu đô thị dịch vụ du lịch tại phía Bắc xã Xuân Thịnh là nơi có quỹ đất xây dựng thuận lợi gần với bờ biển dài đẹp và những ngọn đồi cát sẽ hình thành đô thị du lịch kết hợp với trung tâm văn hóa du lịch biển. Phát triển các tổ hợp du lịch cao cấp tại Bãi Từ Nham là các khu resort cao cấp quy mô lớn. Cải tạo chỉnh trang khu dân cư hiện hữu Đông Nam Từ Nham. Tăng cường chất lượng và sự đa dạng về cảnh quan đô thị du lịch, phát triển hệ thống không gian mở, các	Khoảng 260		Khoảng 2.800; ngân sách thị xã	UBND thị xã Sông Cầu (Đã có chủ trương của UBND thị xã Sông Cầu).

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
			tuyên đi bộ kết nối các quảng trường với công trình văn hóa, thương mại và dịch vụ.				
2.5	Quy hoạch phân khu Khu phố Phước Lý, phường Xuân Yên.	- Đông giáp: Vịnh Xuân Đài. - Tây giáp: Quốc lộ 1. - Nam giáp: Đất thu hồi của Công ty xăng dầu Phú Yên. - Bắc giáp: Khu dân cư.	Được định hướng là khu đô thị dịch vụ đa chức năng, bao gồm các chức năng: Hành chính, dịch vụ đô thị, các đơn vị ở, du lịch, không gian xanh và vui chơi giải trí,...	Khoảng 40		Khoảng 900; ngân sách thị xã	UBND thị xã Sông Cầu (Đã có chủ trương của UBND thị xã Sông Cầu).
2.6	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu trung tâm Xuân Hải và vùng phụ cận.	- Đông giáp: QL.1D và Đồ án quy hoạch chi tiết khu dân cư Xuân Hải đã được phê duyệt. - Tây giáp: Đầm Cù Mông. - Nam giáp: Đường Xuân Bình-Xuân Hải. - Bắc giáp: Đồi núi.	Là trung tâm hành chính, văn hóa, thương mại - dịch vụ của đô thị Xuân Hải, thị xã Sông Cầu.	Khoảng 250	Khoảng 11,56	Khoảng 2.361; ngân sách tỉnh	Sở Xây dựng (Đã được UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ).

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
2.7	Quy hoạch phân khu phía Đông Lê Hồng Phong.	<ul style="list-style-type: none"> - Đông giáp: Đường Phạm Văn Đồng. - Tây giáp: Đường Lê Hồng Phong. - Nam giáp: Đường Nguyễn Văn Trỗi. - Bắc giáp: Đường 1/4. 	Xây dựng quần thể kiến trúc hiện đại đồng bộ tại các khu đô thị mới với nhiều không gian mở gắn kết với khu vực cây xanh mặt nước. Các công trình dịch vụ với hình dáng hiện đại nhằm tạo ra các không gian sống động và có kết nối đường đi bộ tới các khu trung tâm TM-DV và các khu ở xung quanh.	Khoảng 36		Khoảng 850; ngân sách thị xã	UBND thị xã Sông Cầu.
2.8	Quy hoạch phân khu phía Tây tuyến tránh Quốc lộ 1.	<ul style="list-style-type: none"> - Đông giáp: Tuyến tránh Quốc lộ 1. - Tây giáp: Đập Đá Vãi. - Nam giáp: Núi. - Bắc giáp: Núi. 	Xây dựng quần thể kiến trúc hiện đại đồng bộ tại các khu đô thị mới với nhiều không gian mở gắn kết với khu vực cây xanh mặt nước. Các công trình dịch vụ với hình dáng hiện đại nhằm tạo ra các không gian sống động và có kết nối đường đi bộ tới các khu trung tâm TM-DV và các khu ở xung quanh.	Khoảng 70		Khoảng 1.600; ngân sách thị xã	UBND thị xã Sông Cầu.

3. Huyện Đông Hòa

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
3.1	Quy hoạch phân khu phường Hòa Hiệp Trung (dự kiến).	Phường Hòa Hiệp Trung (dự kiến).		Khoảng 110		Khoảng 1.600; ngân sách huyện	UBND huyện Đông Hòa
3.2	Quy hoạch phân khu phường Hòa Hiệp Bắc (dự kiến).	Phường Hòa Hiệp Bắc (dự kiến).		Khoảng 200		Khoảng 2.000; ngân sách huyện	UBND huyện Đông Hòa
3.3	Quy hoạch phân khu phường Hòa Hiệp Nam (dự kiến).	Phường Hòa Hiệp Nam (dự kiến).		Khoảng 105		Khoảng 1.600; ngân sách huyện	UBND huyện Đông Hòa
4. Huyện Tuy An							
4.1	Quy hoạch phân khu Khu dân cư Hòn Chông.	Khu vực phía Tây Trung tâm thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An.	Khu dân cư.	Khoảng 150		Khoảng 2.400; ngân sách huyện	UBND huyện Tuy An
4.2	Quy hoạch phân khu Khu đô thị An Mỹ (Khu đô thị số 02).	Khu vực Trung tâm thị trấn, huyện Tuy An.	Đô thị loại V.	Khoảng 140		Khoảng 2.300; ngân sách huyện	UBND huyện Tuy An
4.3	Quy hoạch phân khu Khu đô thị sinh thái.	Khu vực Trung tâm thị trấn Chí Thạnh (phía Đông Quốc lộ 1 thuộc khu Nam thị trấn Chí	Khu đô thị sinh thái.	Khoảng 85		Khoảng 1.500; ngân sách huyện	UBND huyện Tuy An

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
		Thạnh), huyện Tuy An.					
4.4	Quy hoạch phân khu Khu Trung tâm Hành chính An Hòa Hải.	Độc tuyến ĐT.649 thuộc thôn Diêm Hội, xã An Hòa, huyện Tuy An.	Khu Trung tâm Hành chính kết hợp khu nhà ở và khu du lịch nghỉ dưỡng.	Khoảng 85		Khoảng 1.500; ngân sách Huyện	UBND huyện Tuy An

5. Huyện Đồng Xuân

5.1	Quy hoạch phân khu Khu phố Long An, thị trấn La Hai.	- Đông giáp: Đường ĐT.641. - Tây giáp: Cầu La Hai. - Nam giáp: Xã Xuân Sơn Nam. - Bắc giáp: Sông Kỳ Lộ.		Khoảng 80		Khoảng 1.050; ngân sách huyện	UBND huyện Đồng Xuân
-----	--	--	--	-----------	--	-------------------------------	----------------------

B. GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
NĂM 2021							
I. Quy hoạch chung đô thị							

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
1. Huyện Tây Hòa							
1.1	Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sơn Thành Đông (tương lai) (kết hợp Quy hoạch phân khu Khu Trung tâm).	Thuộc xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa.	Là đô thị phát triển chuyên ngành, trung tâm TMDV, hỗ trợ du lịch phát triển công nghiệp cho Cụm công nghiệp Hòa Phú và Cụm công nghiệp Đá Mài, phát triển du lịch sinh thái gắn với đập Đồng Cam, thúc đẩy quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế của huyện.	Khoảng 1.200	Khoảng 9,8	Khoảng 2.500; ngân sách tỉnh	Sở Xây dựng
2. Huyện Sơn Hòa							
2.1	Điều chỉnh quy hoạch mở rộng khu vực đô thị mới Vân Hòa.	Thuộc xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa.		Khoảng 800		Khoảng 2.100; vốn ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác	Sở Xây dựng
II. Quy hoạch chung khu chức năng (khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao)							
1. Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh							
1.1	Quy hoạch chung xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng	- Đông giáp: Kênh N1 (từ ranh giới xã Hòa Quang Nam đến	- Là khu sản xuất NN UD CNC đặc thù cho vùng Duyên hải Nam Trung Bộ với những loại sản phẩm chính như: Lúa chất lượng cao, mía đường, bông	Khoảng 620	Khoảng 5,29	Khoảng 2.500; ngân sách tỉnh	BQL Khu Nông nghiệp ứng dụng công

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
	công nghệ cao tỉnh (giai đoạn 2).	ngã 3 đường bê tông vào nhà văn hóa thôn Đồng Mỹ và kênh N1). - Tây giáp: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1). - Nam giáp: Xã Hòa Quang Nam (theo đường ranh giới của 2 xã). - Bắc giáp: Núi cao và giáp ranh với xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa.	vải, hoa màu, chăn nuôi, nấm và chế phẩm vi sinh, cây ăn quả. - Là hạt nhân về khoa học, công nghệ, nơi tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất chế biến và tổ chức sản xuất ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp. - Là khu vực được quy hoạch và đầu tư xây dựng theo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới phù hợp với các loại hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.				nghệ cao tỉnh
2. Khu vực thuộc địa bàn huyện Tây Hòa và huyện Phú Hòa							
2.1	Quy hoạch chung các khu du lịch đập Đồng Cam.	Khu vực đập Đồng Cam thuộc địa bàn huyện Tây Hòa và huyện Phú Hòa.		Khoảng 400		Khoảng 1.500; vốn ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp	Sở Xây dựng

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
						pháp khác	
III. Quy hoạch phân khu (các khu vực trong đô thị)							
1. Thành phố Tuy Hòa							
1.1	Quy hoạch phân khu phía Tây đường vành đai phường 8 đến giáp ranh giới huyện Phú Hòa.	- Đông giáp: Đường vành đai phường 8. - Tây giáp: Ruộng lúa. - Nam giáp: Đường Trần Phú nối dài. - Bắc giáp: Đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài.	Cụ thể hóa Đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố Tuy Hòa được duyệt. Tạo thêm nhiều quỹ đất lập các dự án đầu tư du lịch, phát triển dân cư; xác định các giai đoạn phát triển, kế hoạch thực hiện, các dự án có tính chất tạo động lực hình thành phát triển cho toàn bộ khu vực và vùng phụ cận, xây dựng mô hình quản lý phát triển; đánh giá môi trường chiến lược.	Khoảng 200		Khoảng 1.294; ngân sách thành phố	UBND thành phố Tuy Hòa
2. Thị xã Sông Cầu							
2.1	Quy hoạch phân khu Khu đô thị mới Lê Uyên, phường Xuân Yên.	- Đông giáp: Vịnh Xuân Đài. - Tây giáp: Đường Lê Uyên - Bình Thạnh. - Nam giáp: Vịnh Xuân Đài. - Bắc giáp: Ranh giới xã Xuân Phương.	Khu vực Lê Uyên - Xuân Phương là khu vực có quỹ đất rộng, địa hình cảnh quan đẹp gắn liền với các mạch suối, hồ nước và đồi núi thấp, sẽ hình thành các khu trung tâm đô thị mới như trung tâm hành chính, văn hóa, TMDV, giáo dục đào tạo, y tế; các khu đô thị mới với kiến trúc cao, thấp tầng.	Khoảng 80		Khoảng 1.600; ngân sách thị xã	UBND thị xã Sông Cầu (Đã có chủ trương của UBND thị xã Sông Cầu).
3. Huyện Phú Hòa							
3.1	Quy	Thuộc Đồ	Là khu vực tập trung	Khoảng	Khoảng	Khoảng	UBND

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
	hoạch phân khu xây dựng mở rộng khu nội thị - thị trấn huyện lỵ huyện Phú Hòa (về phía Bắc).	án quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Hòa, huyện Phú Hòa.	các dự án khu nội thị thị trấn Phú Hòa có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, là khu vực ven đô phát triển các dự án xây dựng đất ở, thương mại, dịch vụ, giải quyết nhu cầu ở và các hạng mục khác của khu vực.	100	10	1.900; ngân sách huyện	huyện Phú Hòa
3.2	Quy hoạch phân khu đô thị Phong Niên, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa.	Thuộc Đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Phong Niên, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa.	Là khu vực tập trung các trung tâm thương mại, dịch vụ và du lịch sinh thái, có vai trò chính thúc đẩy quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế của huyện.	Khoảng 100	Khoảng 10	Khoảng 1.900; ngân sách huyện	UBND huyện Phú Hòa
4. Huyện Tuy An							
4.1	Quy hoạch phân khu Khu đô thị An Mỹ (Khu đô thị số 01).	Khu vực phía Tây Quốc lộ 1, huyện Tuy An.	Khu nhà ở phát triển mới kết hợp các công trình công cộng.	Khoảng 85		Khoảng 1.300; ngân sách huyện	UBND huyện Tuy An
4.2	Quy hoạch phân khu Khu đô thị Chí Thạnh.	Khu nội thị thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An.	Khu Trung tâm hành chính huyện.	Khoảng 200		Khoảng 3.000; ngân sách huyện	UBND huyện Tuy An
5. Huyện Đồng Xuân							
5.1	Quy hoạch	Phân khu 3, huyện	Khu Trung tâm hành chính huyện.	Khoảng 105,9	Khoảng 3,3	Khoảng 1.000;	UBND huyện

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
	phân khu xây dựng thị trấn La Hai.	Đông Xuân.				ngân sách huyện	Đông Xuân

IV. Quy hoạch phân khu (các khu chức năng)

1. Khu Kinh tế Nam Phú Yên

1.1	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu phi thuế quan.	Thuộc xã Hòa Hiệp Nam, huyện Đông Hòa.	Đô thị dịch vụ công nghiệp.	Khoảng 214,2		1.460; ngân sách tỉnh	Ban Quản lý Khu kinh tế
1.2	Quy hoạch phân khu Khu Hành chính Cảng Bãi Gốc.	Xã Hòa Tâm, huyện Đông Hòa.		Khoảng 20		Khoảng 287; ngân sách tỉnh	Ban Quản lý Khu kinh tế
1.3	Quy hoạch phân khu Khu Công nghiệp Hòa Tâm.	Xã Hòa Tâm, huyện Đông Hòa.		Khoảng 1.080		Khoảng 3.294; ngân sách tỉnh	Ban Quản lý Khu kinh tế
1.4	Quy hoạch phân khu Khu vực hạ lưu sông Bàn Thạch.	Xã Hòa Tâm, xã Hòa Hiệp Nam, huyện Đông Hòa.		Khoảng 500		Khoảng 1.600; vốn ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác	Ban Quản lý Khu kinh tế

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
I. Quy hoạch chung đô thị							
1. Huyện Sơn Hòa							
1.1	Quy hoạch chung xây dựng đô thị Trà Kê, xã Sơn Hội (kết hợp Quy hoạch phân khu Khu Trung tâm).	Thuộc thôn Trà Kê, xã Sơn Hội, huyện Sơn Hòa.	Đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với nguồn vốn đầu tư và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; định hướng, giải pháp, đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội, môi trường điếm dân cư, hạn chế tối đa những ảnh hưởng do thiên tai, nền đất yếu.	Khoảng 30	Khoảng 2	Khoảng 2.500; ngân sách tỉnh	Sở Xây dựng
II. Quy hoạch phân khu (các khu vực trong đô thị)							
1. Thị xã Sông Cầu							
1.1	Quy hoạch phân khu xã Xuân Phương.	- Đông giáp: Đồi núi. - Tây giáp: Vịnh Xuân Đài. - Nam giáp: Vịnh Xuân Đài. - Bắc giáp: Đồi núi.	Các khu dân cư hiện trạng ven vịnh sẽ từng bước được cải tạo, chỉnh trang và khuyến khích chuyển đổi chức năng theo mô hình đô thị mới hiện đại, tiện nghi.	Khoảng 490		Khoảng 3.700; ngân sách thị xã	UBND thị xã Sông Cầu
1.2	Quy hoạch phân khu xã Xuân Hòa.	- Đông giáp: Biển Đông. - Tây giáp: Quốc lộ 1D. - Nam giáp: Đàm Cù Mông. - Bắc giáp:	Khu vực dân cư dịch vụ ven biển phát triển mới thuộc xã Xuân Hòa sẽ hình thành các khu chức năng mới kết hợp với khu dân cư hiện hữu sẽ là khu dân cư mới kết hợp phục vụ Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu và các khu du lịch	Khoảng 370		Khoảng 3.200; ngân sách thị xã	UBND thị xã Sông Cầu

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
		Biển Đông.	cộng đồng.				
2. Huyện Tuy An							
2.1	Quy hoạch phân khu các vùng phụ cận Khu đô thị Chí Thạnh.	Khu vực ngoại thị (dự kiến các xã An Dân, An Thạch, An Định), huyện Tuy An.	Trung tâm Hành chính; Khu dân cư kết hợp các công trình công cộng.	Khoảng 250		Khoảng 3.000; ngân sách huyện	UBND huyện Tuy An
2.2	Quy hoạch phân khu Khu Trung tâm xã An Ninh Tây.	Khu vực xã An Ninh Tây dự kiến lên phường sau khi quy hoạch được duyệt.	Khu Trung tâm Hành chính kết hợp thương mại, dịch vụ, du lịch.	Khoảng 100		Khoảng 1.500; ngân sách huyện	UBND huyện Tuy An
III. Quy hoạch phân khu (các khu chức năng)							
1. Khu Kinh tế Nam Phú Yên							
1.1	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Đa Ngành 1.	Thuộc xã Hòa Xuân Đông và xã Hòa Xuân Tây, huyện Đông Hòa.	Công nghiệp đa ngành.	Khoảng 435		Khoảng 1.800; ngân sách tỉnh	Ban Quản lý Khu kinh tế
1.2	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Đa Ngành 2.	Thuộc xã Hòa Tâm và xã Hòa Xuân Đông, huyện Đông Hòa.	Công nghiệp đa ngành.	Khoảng 420		Khoảng 1.900; ngân sách tỉnh	Ban Quản lý Khu kinh tế
NĂM 2023							
I. Quy hoạch chung đô thị							

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
1. Huyện Đồng Xuân							
1.1	Quy hoạch chung xây dựng đô thị thị trấn Xuân Lãnh (kết hợp Quy hoạch phân khu Khu Trung tâm).	Toàn xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân.	Đô thị loại V, tiểu vùng trực thuộc huyện Đồng Xuân.	Khoảng 8.464	Khoảng 8,82	Khoảng 2.500; ngân sách tỉnh	Sở Xây dựng
II. Quy hoạch phân khu (các khu vực trong đô thị)							
1. Thị xã Sông Cầu							
1.1	Quy hoạch phân khu Khu đô thị mới Lê Uyên, xã Xuân Phương.	- Đông giáp: Ranh giới phường Xuân Yên. - Tây giáp: Núi. - Nam giáp: Đường Lê Uyên - Bình Thạnh. - Bắc giáp: Núi.	Khu vực Lê Uyên, xã Xuân Phương là khu vực có quỹ đất khá rộng, địa hình cảnh quan đẹp gắn liền với các mạch suối, hồ nước và đồi núi thấp, sẽ hình thành các khu trung tâm đô thị mới như trung tâm hành chính, văn hóa, thương mại, dịch vụ, GD-ĐT, y tế; các khu đô thị mới với các kiến trúc cao, thấp tầng.	Khoảng 100		Khoảng 2.000; ngân sách thị xã	UBND thị xã Sông Cầu
2. Huyện Tuy An							
2.1	Quy hoạch phân khu Khu Trung tâm xã An Ninh	Khu vực xã An Ninh Đông dự kiến lên phường sau khi quy hoạch	Khu Trung tâm Hành chính kết hợp thương mại, dịch vụ, du lịch.	Khoảng 100		Khoảng 1.500; ngân sách huyện	UBND huyện Tuy An

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
	Đông.	được duyệt.					
2.2	Quy hoạch phân khu Khu Trung tâm xã An Hải.	Khu vực xã An Hải dự kiến lên phường sau khi quy hoạch được duyệt.	Khu Trung tâm Hành chính kết hợp thương mại, dịch vụ, du lịch.	Khoảng 80		Khoảng 1.200; ngân sách huyện	UBND huyện Tuy An
III. Quy hoạch phân khu (các khu chức năng)							
1. Thị xã Sông Cầu							
1.1	Quy hoạch phân khu hạ lưu sông Tam Giang.	Thị xã Sông Cầu.		Khoảng 400		Khoảng 1.700; vốn ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác	Sở Xây dựng
2. Huyện Tuy An							
2.1	Quy hoạch phân khu hạ lưu sông Cái.	Huyện Tuy An.		Khoảng 400		Khoảng 1.700; vốn ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác	Sở Xây dựng

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
NĂM 2024							
I. Quy hoạch phân khu (các khu vực trong đô thị)							
1. Huyện Tuy An							
1.1	Quy hoạch phân khu Khu Trung tâm xã An Cư.	Khu vực xã An Cư dự kiến lên phường sau khi quy hoạch được duyệt.	Khu Trung tâm Hành chính kết hợp thương mại, dịch vụ, du lịch.	Khoảng 100		Khoảng 1.500; ngân sách huyện	UBND huyện Tuy An
1.2	Quy hoạch phân khu đô thị khu vực xung quanh đầm Ô Loan.	Các khu vực xung quanh đầm Ô Loan sau khi quy hoạch chung được duyệt.	Khu dịch vụ, du lịch.	Khoảng 150		Khoảng 1.500; ngân sách huyện	UBND huyện Tuy An
II. Quy hoạch phân khu (các khu chức năng)							
1. Huyện Tây Hòa							
1.1	Quy hoạch phân khu xây dựng các KDL khoáng nóng Lạc Sanh.	Thuộc xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa.		Khoảng 27,5		Khoảng 900; vốn ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tây Hòa
NĂM 2025							
I. Quy hoạch phân khu (các khu chức năng)							
1. Huyện Tây Hòa							

STT	Tên đồ án	Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch	Tính chất khu vực lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (nghìn người)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng); nguồn vốn	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
1.1	Quy hoạch phân khu Khu du lịch dã ngoại núi rừng, thác suối tại khu vực Suối Phướng.	Thuộc xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa.		Khoảng 14		Khoảng 720; vốn ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tây Hòa
1.2	Quy hoạch phân khu xây dựng các KDL Suối Lạnh.	Thuộc xã Hòa Thịnh, huyện Tây Hòa.		Khoảng 20		Khoảng 800; vốn ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tây Hòa
1.3	Quy hoạch phân khu xây dựng các khu du lịch Vực Phun.	Thuộc xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa.		Khoảng 15		Khoảng 720; vốn ngân sách hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tây Hòa

**Chương trình tổ chức lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị
trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025
(do các Nhà đầu tư tài trợ kinh phí lập Quy hoạch)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của UBND tỉnh)**

STT	Tên đồ án	Đơn vị tài trợ kinh phí lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
NĂM 2020					
1. Thành phố Tuy Hòa					
1.1	Quy hoạch phân khu Khu đô thị mới phường Phú Lâm và phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa.	Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	Khoảng 386,9	Khoảng 1.840	Sở Xây dựng
1.2	Điều chỉnh quy hoạch phân khu Khu tri thức thuộc Khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa.	Công ty Cổ phần SOVICO	Khoảng 54	Khoảng 800	Ban Quản lý Khu kinh tế
1.3	Điều chỉnh quy hoạch phân khu Khu vực thôn Ngọc Lãng, thành phố Tuy Hòa (bao gồm phân đất Bãi bồi trên sông Đà Rằng).	Công ty TNHH Đinh Vàng Nha Trang	Khoảng 52	Khoảng 800	
2. Huyện Đông Hòa					
2.1	Quy hoạch phân khu Khu đô thị dịch vụ ven biển thuộc Khu Kinh tế Nam Phú Yên, xã Hòa Hiệp Bắc và xã Hòa Hiệp Trung, huyện Đông Hòa.	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển đô thị TDH Ecoland	Khoảng 284	Khoảng 1.890	Ban Quản lý Khu kinh tế
2.2	Quy hoạch phân khu Khu du lịch văn hóa, sinh thái nghỉ dưỡng Biền Hồ, xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa.	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Khoảng 500	Khoảng 1.600	Sở Xây dựng
2.3	Quy hoạch phân khu Khu đô thị Bắc Hòa Vinh, huyện Đông Hòa.	Công ty Cổ phần Đất Xanh Miền Trung	Khoảng 298,5	Khoảng 1.400	UBND huyện Đông Hòa
2.4	Quy hoạch phân khu Khu đô thị LOTUS RIVERSIDE, xã Hòa Xuân Tây,	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Bất động sản	Khoảng 144	Khoảng 1.000	UBND huyện Đông Hòa

STT	Tên đồ án	Đơn vị tài trợ kinh phí lập quy hoạch	Quy mô diện tích (ha)	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
	huyện Đông Hòa.	Miền Nam			
2.5	Quy hoạch phân khu Khu đô thị xanh Đông Hòa, xã Hòa Xuân Tây, huyện Đông Hòa.	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Vân Phong	Khoảng 290	Khoảng 1.400	UBND huyện Đông Hòa
2.6	Quy hoạch phân khu Khu đô thị mới thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa.	Công ty Cổ phần TASCO	Khoảng 80	Khoảng 900	UBND huyện Đông Hòa
2.7	Quy hoạch phân khu Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp vịnh Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa.	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh	Khoảng 780	Khoảng 2.000	Ban Quản lý Khu kinh tế
3. Huyện Tuy An					
3.1	Quy hoạch chung khu vực xung quanh đầm Ô Loan, huyện Tuy An.	Liên danh Công ty Cổ phần Lã Vọng Group và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tài chính Việt Nam	Khoảng 2.827 (không bao gồm diện tích mặt nước đầm)	Khoảng 4.759	Sở Xây dựng
3.2	Quy hoạch phân khu tại xã An Chấn, huyện Tuy An.	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng U.P.G.C Nha Trang	Khoảng 490	Khoảng 1.600	Sở Xây dựng
4. Khu vực thuộc địa bàn thành phố Tuy Hòa và huyện Đông Hòa					
4.1	Quy hoạch phân khu Khu đô thị Nam sông Ba tại phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa và xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa.	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển đô thị TDH Ecoland	Khoảng 500	Khoảng 1.600	Sở Xây dựng